**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **PHẦN, MỤC, MÃ, TÊN VÀ SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM** | **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN** | **NỘI DUNG THỰC HIỆN** | **GIÁM SÁT** |
| **Kết quả 2019** | **Kế hoạch 2020** |
| **PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH** |
| **A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh**  |   |   |   |   |   |
| 1 | A1.1 | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể | 3 | 4 | - Khoa Khám bệnh- Phòng TC-HC | Củng cố hệ thống biển báo, vạch màu chỉ đường | BGĐ |
| 2 | A1.2 | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật | 2 | 3 | - Phòng KH-NV- Phòng TC-HC | Củng cố khu vực NB chờ khám, xây dựng quy trình sàng lọc cách ly NB truyền nhiễm | BGĐ |
| 3 | A1.3 | Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh | 3 | 4 | - Các khoa - Phòng TCKT;- Phòng KH-NV. | Củng cố quy trình, hướng dẫn KCB, xây dựng bảng thời gian chờ đợi KCB; phương án nhân lực, quầy thu viện phí, quầy phát thuốc trong giờ cao điểm. | BGĐ |
| 4 | A1.4 | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng; - Phòng KH-NV. | Củng cố quy định cấp cứu, quy định hội chẩn | BGĐ |
| 5 | A1.5 | Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;- Phòng TCKT. | Mua Máy lấy số khám tự động, bảng quy định đối tượng ưu tiên | BGĐ |
| 6 | A1.6 | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | 2 | 3 | - Khoa XN-CĐHA | Củng cố phiếu hướng dẫn khám bệnh, XN, chẩn đoán hình ảnh; thời gian trả kết quả. | BGĐ |
| **A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)** |  |  |   |   |  |
| 7 | A2.1 | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng; - Phòng TC-HC | Củng cố hệ thồng buồng bệnh, giường bệnh tại các khoa; phòng bệnh không dột, tường không ẩm mốc. | BGĐ |
| 8 | A2.2 | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;  | Củng cố hệ thống nhà vệ sinh, ghi nhật ký giờ làm vệ sinh | TCHC |
| 9 | A2.3 | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt | 2 | 3 | - Phòng TC-HC | Mua sắm bổ sung vật dụng cá nhân cho BN | TCHC |
| 10 | A2.4 | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng; | Cung cấp nước uống cho BN | TCHC |
| 11 | A2.5 | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | (NB đi xe lăn không thể tiếp cận tầng 2) | BGĐ |
| **A3. Môi trường chăm sóc người bệnh** |  |  |   |   |  |
| 12 | A3.1 | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quang xanh, sạch, đẹp | 4 | 4 | - Phòng TC-HC | Không để cỏ dại mọc hoang trong khuân viên BV | BGĐ |
| 13 | A3.2 | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Mua tủ giữ đồ, tủ đầu giường | BGĐ |
| **A4. Quyền và lợi ích của người bệnh** |  |  |   |   |  |
| 14 | A4.1 | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng | Củng cố nội quy, quy định, hướng dẫn người bệnh | TCHC |
| 15 | A4.2 | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân | 3 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Buồng bệnh chia khu vực nam, nữ, có vách ngăn, rèm che di động, thực hiện ghi phiếu đầu giường. | TCHC |
| 16 | A4.3 | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác | 4 | 4 | - Phòng TV-KT | Đăng tải bảng giá dịch vụ, giá thuốc, vật tư trên trang thông tin điện tử của bệnh viện | BGĐ |
| 17 | A4.4 | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế |  |  |  ***Bỏ tiêu chí này*** |  |
| 18 | A4.5 | Người bệnh có ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời | 3 | 4 | - Phòng KH-NV | Củng cố số sách ghi chép đường dây nóng | BGĐ |
| 19 | A4.6 | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp | 3 | 4 | - Phòng Điều dưỡng | Thực hiện khảo sát sự hài lòng của người bệnh định kỳ | BGĐ |
| **PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN** |  |  |  |  |
| **B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)** |  |  |   |   |  |
| 20 | B1.1 | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực BV | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | Củng cố các kế hoạch phát triển nhân lực  | BGĐ |
| 21 | B1.2 | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | Bổ sung nhân lực | BGĐ |
| 22 | B1.3 | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | Củng cố phương án vị trí việc làm | BGĐ |
| **B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)** |  |  |   |   |  |
| 23 | B2.1 | Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo liên tục | BGĐ |
| 24 | B2.2 | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng Điều dưỡng | Xây dựng kế hoạch nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp | BGĐ |
| 25 | B2.3 | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực | 2 | 4 | - Phòng TC-HC | Kê hoạch tuyển dụng và đào tạo sau đại học | BGĐ |
| **B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc** |  |  |   |   |  |
| 26 | B3.1 | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng TV-KT | Đảm bảo chế độ chính sách | BGĐ |
| 27 | B3.2 | Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế | 4 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Lập hồ sơ vệ sinh lao động, khảo sát hài lòng | BGĐ |
| 28 | B3.3 | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- BCH Công đoàn | Khám sức khỏe cán bộ định kỳ; Hồ sơ sức khỏe của toàn bộ nhân viên bệnh viện được nhập và quản lý bằng phần mềm máy tính. | BGĐ |
| 29 | B3.4 | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | Bổ sung quy chế thi đua khen thưởng | BGĐ |
| **B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)** |  |  |   |   |  |
| 30 | B4.1 | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Bổ sung kế hoạch phát triển đơn vị | BGĐ |
| 31 | B4.2 | Triển khai văn bản của các cấp quản lý | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Củng cố sổ sách theo dõi công văn đên, công văn đi. ứng dụng triển khai văn bản trên phần mềm | BGĐ |
| 32 | B4.3 | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện | 2 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Củng cố quy chế bổ nhiệm, văn bằng chứng chỉ | BGĐ |
| 33 | B4.4 | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận | 3 | 4 | - Phòng TC-HC | Củng cố quy trình bổ nhiệm, văn bằng chứng chỉ cán bộ lãnh đạo | BGĐ |
| **PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (38)** |  |  |   |   |  |
|  **C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)** |  |  |   |   |  |
| 34 | C1.1 | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện | 2 | 3 | - Phòng TC-HC | Xây dựng tường rào, bổ sung các yêu cầu về công tác an ninh | BGĐ |
| 35 | C1.2 | Bảo đảm an toàn điện, phòng chống cháy nổ | 3 | 3 | - Phòng TC-HC | Tuyển dụng cán bộ có trình độ trung cấp điện trở lên | BGĐ |
| **C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)** |  |  |   |   |  |
| 36 | C2.1 | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng | Quy định kiểm tra bệnh án. kết quả kiểm tra bệnh án | KHNV |
| 37 | C2.2 | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học | 3 | 4 | - Các khoa lâm sàng;- Phòng KH-NV | Củng cố quy trình lưu trữ hồ sơ bệnh án | BGĐ |
| **C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2)** |  |  |   |   |  |
| 38 | C3.1 | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế | 3 | 4 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Xây dựng bảng kiểm các chỉ số thông tin  | BGĐ |
| 39 | C3.2 | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn | 3 | 3 | - Phòng TC-HC;- Phòng KH-NV | Sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn, hoạt động khoa, phòng | BGĐ |
| **C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn(6)** |  |  |   |   |   |
| 40 | C4.1 | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn | 2 | 3 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Củng cố hệ thông kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện | HĐ KSNK |
| 41 | C4.2 | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong BV | 2 | 3 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Củng cố quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện | HĐ KSNK |
| 42 | C4.3 | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay | 2 | 3 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Củng cố quy trình vệ sinh tay | HĐ KSNK |
| 43 | C4.4 | Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện | 1 | 2 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Tiến hành giám sát nhiễm khuẩn khoa trọng điểm | HĐ KSNK |
| 44 | C4.5 | Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | 2 | 3 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Củng cố quy trình phân loại, quản lý chất thải rắn | HĐ KSNK |
| 45 | C4.6 | Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định | 2 | 3 | - Tổ KSNK;- Phòng Điều dưỡng. | Củng cố quy trình xử lý chất thải lỏng bệnh viện | HĐ KSNK |
| **C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)** |  |  |   |   |  |
| 46 | C5.1 | Thực hiện  danh mục  kỹ thuật theo  phân tuyến kỹ thuật | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng;- Phòng KH-NV. | Thống kê thực hiện phân tuyến kỹ thuật | BGĐ |
| 47 | C5.2 | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ  thuật mới, phương pháp mới | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Xây dựng kế hoạch triển khai kỹ thuật mới | KHNV |
| 48 | C5.3 | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng | 3 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Củng cố quy trình chuyên môn khám chữa bệnh | KHNV |
| 49 | C5.4 | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | 2 | 4 | - Các khoa lâm sàng | Bổ sung hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | KHNV |
| 50 | C5.5 | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị  đã ban hành  và giám sát việc thực hiện | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Giám sát việc tuân thu hướng dẫn chẩn đoán và điều trị | KHNV |
| **C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)** |  |  |   |   |  |
| 51 | C6.1 | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả | 2 | 3 | - Phòng Điều dưỡng | Củng cố chứng chỉ, bằng cấp của điều dưỡng trưởng | BGĐ |
| 52 | C6.2 | Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Củng cố tài liệu, văn bản giáo dục sức khỏe | P.ĐD |
| 53 | C6.3 | Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện | 2 | 3 | - Các khoa lâm sàng | Bổ sung quy định theo dõi, chăm sóc người bệnh | P.ĐD |
| **C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế**  |  |  |   |   |  |
| 54 | C7.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | Đào tạo, tuyển dụng cán bộ dinh dưỡng | BGĐ |
| 55 | C7.2 | Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | Thành lập khoa tổ tiết chế dinh dưỡng | BGĐ |
| 56 | C7.3 | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện | 2 | 3 | Điều dưỡng các khoa lâm sàng |  Đánh giá, sàng lọc tình trạng dinh dưỡng người bệnh | P.ĐD |
| 57 | C7.4 | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý | 2 | 3 | - Phòng Điều dưỡng | Củng cố góc truyền thông | BGĐ |
| 58 | C7.5 | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện | 1 | 2 | - Phòng Điều dưỡng | Chỉ định chế độ ăn phù hợp cho người bệnh | BGĐ |
| **C8. Chất lượng xét nghiệm (2)** |  |  |   |   |  |
| 59 | C8.1 | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh | 2 | 3 | Khoa XN-CĐHA | Đào tạo cán bộ XN theo định hướng | BGĐ |
| 60 | C8.2 | Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm | 2 | 3 | Khoa XN-CĐHA | Quy định và thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm theo quy định, đào tạo cán bộ có chứng chỉ quản lý chất lượng XN | BGĐ |
| **C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)** |  |  |   |   |   |
| 61 | C9.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược | 2 | 3 | - Khoa Dược | Tăng cường hoạt động cán bộ chuyên trách dược lâm sàng và thông tin thuốc | BGĐ |
| 62 | C9.2 | Bảo đảm cơ sở vật chất và các qui trình kỹ thuật cho hoạt động  Dược | 3 | 4 | - Khoa Dược | Thực hiện các quy trình về hoạt động dược | BGĐ |
| 63 | C9.3 | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng | 3 | 4 | - Khoa Dược | Bổ sung các quy trình cấp phát, kiểm soát, xử lý, cung ứng thuốc | BGĐ |
| 64 | C9.4 | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý | 3 | 4 | - Khoa Dược | Xây dựng danh mục LASA | BGĐ |
| 65 | C9.5 | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo ADR kịp thời, đầy đủ và có chất lượng | 3 | 3 | - Khoa Dược | Xây dựng quy trình thông tin thuốc, giám sát, báo cáo ADR | BGĐ |
| 66 | C9.6 | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả | 2 | 3 | - Khoa Dược | Củng cố sổ sách hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị | BGĐ |
| **C10. Nghiên cứu khoa học (2 )** |  |  |   |   |  |
| 67 | C10.1 | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học | 3 | 3 | - Phòng KH-NV | Duy trì hoạt động hội đồng khoa học 1 lần/tháng | BGĐ |
| 68 | C10.2 | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | Ra quyết định triển khai áp dụng đề tài | BGĐ |
| **PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (9)** |  |  |   |   |  |
| **D1. Thiết lập hệ thống và xây dựng, triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng (3)** |  |  |  |   |  |
| 69 | D1.1 | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | (Nếu có cán bộ chuyên trách QLCL) | BGĐ |
| 70 | D1.2 | Xây dựng và triển khai kế hoạch chất lượng BV | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | Chỉ đạo các khoa, phòng xây dựng KH cải tiến CL năm 2020 | BGĐ |
| 71 | D1.3 | Xây dựng uy tín và văn hóa chất lượng bệnh viện | 3 | 3 | - Phòng KH-NV | Xây dựng khẩu hiệu (Slogan). Triển khai trang thông tin điện tử của trung tâm | BGĐ |
| **D2. Phòng ngừa các sai sót, sự cố và cách khắc phục(2)** |  |  |   |   |   |
| 72 | D2.1 | Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh | 2 | 3 | Các khoa lâm sàng | Lắp đặt toàn bộ hệ thống chuông báo tại các khoa | KHNV |
| 73 | D2.2 | Xây dựng hệ thống báo cáo,phân tích sự cố y khoa và tiến hành các các giải pháp khắc phục | 3 | 3 | Các khoa lâm sàng | Xây dựng hệ thống báo cáo sự cố y khoa toàn viện và các khoa | KHNV |
| 74 | D2.3 | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sai sót, sự cố | 2 | 3 | - Các khoa LS, - Khoa XN-CĐHA. | Thực hiện giám sát an toàn PTTT | KHNV |
| 75 | D2.4 | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ | 3 | 3 | - Các khoa LS,- Khoa XN-CĐHA | Xây dựng bảng kiểm | KHNV |
| 76 | D2.5 | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã | 2 | 3 | - Các khoa LS, - Khoa XN-CĐHA | Cảnh báo nguy cơ. Gia cố lan can | KHNV |
| **D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (4)** |  |  |   |   |  |
| 77 | D3.1 | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | Củng cố hệ thống báo cáo | BGĐ |
| 78 | D3.2 | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện | 2 | 3 | - Phòng KH-NV | Tiến hành đo lường và công bố kết quả chất lượng | BGĐ |
| 79 | D3.3 | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện | 3 | 4 | - Phòng KH-NV | Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu và quy định | BGĐ |
| **PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA** |   |   |   |   |   |
| **E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa  (4)** |   |   |   |   |   |
| 80 | E1.1 | BV thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | Củng cố góc sơ sinh phòng đẻ | BGĐ |
| 81 | E1.2 | BV thực hiện tốt hoạt động truyền thông SKSS trước sinh, trong khi sinh và sau sinh. | 3 | 3 | Khoa CSSKSS | Bổ sung tranh ảnh, bảng truyền thông sức khỏe sinh sản | BGĐ |
| 82 | E1.3 | BV tuyên truyền tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của BYT và UNICEF. | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | Xây dựng tài liệu nuôi con bằng sữa mẹ, QĐ cử cán bộ chuyên trách | BGĐ |
| **E2. Tiêu chí nhi khoa**  |  |  |   |   |   |
| 83 | E2.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa | 2 | 3 | Khoa CSSKSS | Củng cố bảng mô tả ví việc làm, củng cố đơn nguyên SS | BGĐ |
|    | ***223/89 = 2.51*** | ***298/89= 3.35*** |    |